

SỰ ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (1949 - 2009)

NGUYỄN THANH THỦY

Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Dương

Nước CHND Trung Hoa thành lập ngày 1-10-1949 là một trong những sự kiện trọng đại của thế kỷ XX. Từ một đất nước nửa thực dân, nửa phong kiến, Trung Quốc đã vững vàng bước trên con đường phát triển độc lập, tự chủ, xây dựng một quốc gia hùng mạnh, hiện đại. Sự phát triển của Trung Quốc từ năm 1949 đến năm 2009 được chia làm hai bước rất rõ rệt gồm 30 năm trước công cuộc cải cách và 30 năm cải cách mở cửa. Cùng với sự vươn lên nhanh chóng của đất nước, chính sách ngoại giao của Trung Quốc cũng không ngừng được điều chỉnh cho xứng tầm với vị thế quốc gia.

1. Vài nét về chính sách ngoại giao của CHND Trung Hoa (1949 - 1978)

Trong 30 năm từ sau khi cách mạng thành công đến trước công cuộc cải cách mở cửa của đất nước, chính sách ngoại giao của nước CHND Trung Hoa đã trải qua những bước điều chỉnh mang đầy tính thử nghiệm, gắn liền với những bước thăng trầm của đất nước.

Chính sách ngoại giao "*nhất biên đảo*" được Trung Quốc thực hiện trong hoàn cảnh lịch sử đất nước vừa sang trang, dưới sự tác động tuyệt đối của cục diện quan hệ quốc tế. Bối cảnh mâu thuẫn ngày càng

sâu sắc giữa hai cực Xô - Mỹ trong những năm 1950 đã khiến cho nước CHND Trung Hoa không có con đường lựa chọn nào tối ưu hơn việc lựa chọn đứng về phía Liên Xô để chống Mỹ.

Trong khi Mỹ vẫn giữ lập trường không công nhận nhà nước Trung Quốc mới mà tiếp tục ủng hộ với quy mô ngày càng rộng lớn đối với chế độ Quốc dân Đảng thì Liên Xô là quốc gia đầu tiên hưởng ứng tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc mới. Ngày 1-10-1949 Bộ ngoại giao Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã bày tỏ đồng thuận thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với nước CHND Trung Hoa, đặt điểm khởi đầu cho sự công nhận quốc tế với một nước Trung Quốc mới⁽¹⁾. Ngày 2/10/1949 trở thành ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai quốc gia Xô - Trung⁽²⁾, sự kiện này mang ý nghĩa thời đại, có tác động tới cục diện thế giới. Tiếp theo Liên Xô là các nước XHCN khác và nhiều nước ở châu Á như Miến Điện, Ấn Độ, Pakistan, Afghanistan, Indônêxia... đã tuyên bố công nhận nước CHND Trung Hoa. Trước tình thế đó, Mỹ đã tạo áp lực mạnh mẽ lên các đồng minh của mình để định hướng họ không công nhận Trung Quốc, đồng thời phản đối kịch liệt yêu cầu

của Trung Quốc về việc giữ vị trí của nước này tại Liên hợp quốc và Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc⁽³⁾.

Cuộc chiến tranh ở Triều Tiên vào ngày 25/6/1950 đã khép lại về lâu dài con đường bình thường hóa quan hệ Trung - Mỹ. Ngày 27/6/1950, Tổng thống Mỹ Harry Truman đã tuyên bố *“sự xâm chiếm của mô hình cộng sản đã trở thành sự đe dọa trực tiếp tới an ninh ở Đông Á và với những lực lượng của Mỹ đang thực thi những chức năng pháp lý và cần thiết tại đây”*⁽⁴⁾. Ngay sau đó, Hạm đội 7 của Mỹ đã tiến vào eo biển Đài Loan để *“ngăn chặn bất kỳ hành động tấn công nào từ phía Cộng sản”*⁽⁵⁾. Trên thực tế, Mỹ đã đặt Đài Loan dưới quyền kiểm soát của mình, dùng Đài Loan làm con bài để khống chế Trung Quốc.

Sự triển khai đường lối cô lập Bắc Kinh của Mỹ và phương Tây đã buộc Trung Quốc phát triển quan hệ chặt chẽ với Liên Xô và các nước XHCN. Ngày 16/12/1949, sau một quá trình chuẩn bị chu đáo, đoàn đại biểu Chính phủ CHND Trung Hoa do Mao Trạch Đông dẫn đầu đã tới Matxcơva. Qua các cuộc đàm phán với Liên Xô, ngày 14/2/1950 CHND Trung Hoa và Liên Xô đã ký Hiệp ước đồng minh hữu nghị và tương trợ Xô - Trung⁽⁶⁾. Sự kiện này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với Trung Quốc trong bối cảnh quan hệ cực kỳ phức tạp của thời gian này. Trong suốt những năm 50 của thế kỷ XX, Trung Quốc và Liên Xô đã hợp tác chặt chẽ trong cả lĩnh vực xây dựng CNXH cũng như trên trường quốc tế nhằm đảm bảo những lợi ích chung. Đường lối hữu nghị, đoàn kết với Liên Xô đã được ghi trong Hiến pháp đầu tiên của CHND Trung Hoa (thông qua vào năm 1954) và trong những nghị quyết

của Đại hội khóa VIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 9/1956). Đại hội VIII đã xác định những định hướng cơ bản chính sách đối ngoại của CHND Trung Hoa: *Tiếp tục củng cố, phát triển tình hữu nghị đời đời bền vững không gì phá vỡ nổi với Liên Xô vĩ đại và với những nước dân chủ nhân dân; thiết lập và phát triển những mối quan hệ hữu nghị với những nước châu Á, châu Phi, với những nước khác tán thành năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình; thiết lập và phát triển quan hệ ngoại giao bình thường, những quan hệ kinh tế và văn hóa với tất cả các quốc gia có nguyện vọng tương tự với Trung Quốc; tuyên bố phản đối sử dụng vũ lực và chính sách đe dọa bằng vũ lực trong các công việc quốc tế, ủng hộ phong trào vì hòa bình của các dân tộc trên thế giới...*⁽⁷⁾

Sự tham gia tích cực của CHND Trung Hoa trong tiến trình đàm phán của Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về lập lại hòa bình ở Triều Tiên và Đông Dương, sự quan tâm tới các nước đồng minh, tinh thần tích cực trong giải quyết những vấn đề tranh chấp biên giới với Ấn Độ liên quan đến Tây Tạng nhân chuyến thăm của Thủ tướng Chu Ân Lai tới nước này tháng 6/1954... đã khẳng định rất rõ ràng về định hướng chính sách ngoại giao của Trung Quốc trong giai đoạn này.

Từ cuối những năm 50 của thế kỷ XX, trong quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô đã nảy sinh những mâu thuẫn nghiêm trọng. Duyên cớ trực tiếp của những mâu thuẫn Xô - Trung giai đoạn này rất rõ ràng, chỉ là nhân tố chủ quan (*sự ác cảm cá nhân giữa Mao Trạch Đông và N.Khrushchev; Đại hội lần thứ XX của Liên Xô đã làm mất uy tín của J.Stalin...*). Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa được bắt

đầu từ sự không thành công trong việc thực thi mục tiêu phát triển nhanh nhất của Trung Quốc. Những mâu thuẫn giữa mong muốn về vị thế và thực trạng về tiềm lực cùng với tư duy không muốn bị chi phối của Trung Quốc đã trở thành gốc rễ của mọi mâu thuẫn Xô - Trung. Những cuộc gặp gỡ vào tháng 7, tháng 8-1958 và tháng 10-1959 của N.Khrushchev với lãnh đạo Trung Quốc đã không những không cởi bỏ được những căng thẳng mà còn làm cho mức độ căng thẳng trong quan hệ song phương trầm trọng hơn. Các mối quan hệ chính trị, kinh tế giữa hai nước bắt đầu kết thúc. Bắt đầu từ những bất đồng tư tưởng, mâu thuẫn giữa hai nước ngày càng trầm trọng hơn trong những năm 1960. Cuộc xung đột biên giới Xô - Trung từ tháng 3/1969 đã đặt dấu chấm hết cho chính sách ngoại giao "nhất biên đảo" của Trung Quốc. Thực chất, chính sách ngoại giao của Trung Quốc đã chính thức được điều chỉnh, chuyển từ "nhất biên đảo" sang chống cả Mỹ, cả Liên Xô⁽⁸⁾. Tại khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc vào tháng 10-1974, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra học thuyết "ba thế giới"⁽⁹⁾. Học thuyết này đã xác định phương hướng đường lối chính trị đối ngoại của CHND Trung Hoa trong những năm tiếp theo. Cụ thể là những cường quốc lớn (Mỹ và Liên Xô) là "thế giới thứ nhất", "thế giới thứ hai" là các nước Tây Âu và Nhật Bản, còn "thế giới thứ ba" gồm các nước châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, trong đó các nước thế giới thứ ba cần liên hiệp cùng thế giới thứ hai để triển khai cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa bá quyền của các cường quốc"⁽¹⁰⁾. Quan hệ Xô - Trung cuối những năm 1970, đầu những năm 1980 tiếp tục căng thẳng. Lãnh đạo Trung Quốc kêu gọi thành lập "mặt trận thống nhất rộng rãi để ngăn chặn

chủ nghĩa bá quyền Xô Viết"⁽¹¹⁾, đồng thời, vào tháng 4/1979, Trung Quốc đã thông báo với Liên Xô sẽ không kéo dài hiệu lực của Hiệp định đồng minh Xô - Trung đã ký ngày 14/2/1950, điều này đồng nghĩa với việc từ ngày 11/4/1980 Hiệp định này sẽ hết hiệu lực⁽¹²⁾.

Chính sách ngoại giao "giương cung bắn cả hai phía"⁽¹³⁾ của Trung Quốc trong giai đoạn này và sự căng thẳng trong quan hệ Xô - Trung được Mỹ coi là cơ hội vàng để cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Bắt đầu bằng việc áp dụng đường lối "bắc cầu nối" tới Bắc Kinh, Mỹ và những nước đồng minh của họ đã từng bước thiết lập các cuộc hội đàm với Trung Quốc và tạo dựng nên mối quan hệ trực tiếp. Vào tháng 10-1971, CHND Trung Hoa được tiếp nhận vào Liên hợp quốc, ngay lập tức các nước Anh, Italia, Cộng hòa Liên bang Đức lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc⁽¹⁴⁾. Ngày 21 - 28/2/1972, chuyến thăm của Tổng thống R.Nixon đã đạt được tính đồng thuận cao, Mỹ và CHND Trung Hoa đã ký Thông cáo Thượng Hải, mở đường cho quá trình xây dựng mối quan hệ Trung - Mỹ trong bối cảnh mới. Quá trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Trung đã được hoàn tất dưới thời Tổng thống Jimmy Carter, ngày 1/1/1979 quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ chính thức được thiết lập, Mỹ tuyên bố công nhận CHND Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc và hứa hẹn cắt đứt quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Trung Hoa⁽¹⁵⁾. Trên cơ sở đó, quan hệ Trung - Mỹ đã phát triển với tốc độ nhanh trên mọi lĩnh vực, Trung Quốc đã thực hiện chính sách "liên Mỹ chống Xô" để phục vụ cho những lợi ích của mình.

Có thể thấy, chính sách ngoại giao của Trung Quốc trong 30 năm đầu tồn tại của nước CHND Trung Hoa thể hiện rõ những bước thử nghiệm ban đầu nhằm tìm kiếm địa vị lãnh đạo trong một thế giới đang phát triển. Chính sách “*nhất biên đảo*” của mười năm đầu (1949 - 1959) với chiến lược “*hợp tung*” mặc dù đã giúp Trung Quốc bước đầu nâng cao thế và lực nhưng lại phải chấp nhận những nguyên tắc và sự chỉ huy. Hai mươi năm tiếp theo (1959 - 1979), chính sách “*giương cung bắn cả hai phía*” với chiến lược “*liên hoành*” đã góp phần làm dịu đi cấu hình hai cực dữ dội của thế giới, bước đầu tạo nên một tam giác chiến lược Bắc Kinh - Matxcova - Oasinhton, tuy nhiên trong thời điểm này, Bắc Kinh không đủ sức mạnh để tạo nên địa vị cân bằng trong tam giác chiến lược đó. Chính hoàn cảnh này đã đẩy Trung Quốc hướng chính sách ngoại giao của mình về phía Mỹ nhiều hơn ở những năm cuối của thập niên 1970. Sự chia rẽ Xô - Trung đã tạo ra tiền tố đưa tới sự thiết lập mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Song vị thế thấp của Trung Quốc trong giai đoạn này cũng không thể tạo nên sự bằng lòng cho Bắc Kinh.

2. Sự điều chỉnh chính sách ngoại giao của CHND Trung Hoa (1979 - 2009)

2.1. Chính sách ngoại giao “độc lập hòa bình” trong những năm 1979 - 1992

Công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc bắt đầu từ tháng 12/1978 đã tạo ra bước ngoặt mới cho lịch sử Trung Quốc nói chung và chính sách ngoại giao của nước này nói riêng. Để thực hiện và đẩy mạnh công cuộc cải cách, nhu cầu về môi trường hòa bình của Trung Quốc ngày

càng trở nên thiết yếu. Hơn thế nữa, nước cờ “*liên Mỹ chống Xô*” đã không những không giúp Trung Quốc đạt được mục đích của mình mà còn bị Mỹ lợi dụng, khiến Trung Quốc có nguy cơ bị cuốn sâu hơn vào Chiến tranh lạnh. Trước thực tế đó, bước vào những năm đầu của thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Trung Quốc một lần nữa phải thực hiện điều chỉnh chính sách ngoại giao của mình theo hướng nghiêng về chủ nghĩa thực dụng.

Do nhu cầu hòa bình được các nhà lãnh đạo Trung Quốc đặt lên trên hết, nên trong Đại hội XII của Đảng Cộng sản Trung Quốc (9/1982), Chính phủ nước này đã xác định ba nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại gồm *độc lập, tự chủ và dựa trên sức lực của mình*, nhấn mạnh nguyên tắc không thiết lập những quan hệ liên minh hoặc hợp tác chiến lược với bất kỳ nước nào trong “các cường quốc lớn”, nhấn mạnh đường lối nhằm củng cố và phát triển những mối quan hệ cùng có lợi với tất cả các nước trên thế giới - kể cả Liên Xô và Mỹ - trên cơ sở năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình⁽¹⁶⁾. Nhiệm vụ then chốt nhất trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ 1978 đến nay là đảm bảo những điều kiện bên ngoài thuận lợi để xây dựng một Trung Quốc hùng mạnh, hiện đại, trở thành một trong những trung tâm hàng đầu của nền chính trị thế giới⁽¹⁷⁾.

Thực hiện chính sách ngoại giao “*độc lập, hòa bình*”, Trung Quốc bắt đầu quan tâm tới việc bình thường hóa quan hệ với Liên Xô để hướng tới mối quan hệ cùng có lợi⁽¹⁸⁾. Những thay đổi tích cực tiếp theo trong quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô là những chuyến viếng thăm của các Bộ trưởng Ngoại giao hai nước, đỉnh

cao là chuyến thăm Trung Quốc vào tháng 5/1989 của M. Gorbachov đã có ý nghĩa quan trọng, tạo bước ngoặt quyết định cho tiến trình bình thường hóa quan hệ Xô - Trung. Trong cuộc gặp gỡ cấp cao lịch sử này, Đặng Tiểu Bình và M. Gorbachov đã khẳng định hai nước *"khép lại quá khứ, mở ra tương lai"*. Tuy nhiên, cũng đúng vào thời điểm này, sự kiện bi thảm trên quảng trường Thiên An Môn năm 1989 và hệ lụy của nó đã buộc các nhà lãnh đạo Trung Quốc phải thận trọng. Chiến lược ngoại giao *"độc lập hòa bình"* tiếp tục được thực hiện trên tinh thần *"bình tĩnh quan sát, củng cố địa vị của mình, bí mật khả năng để chờ đợi thời cơ thuận lợi, không lộ diện nhưng luôn trong tư thế sẵn sàng hành động"*⁽¹⁹⁾.

Trong suốt thập kỷ 80 của thế kỷ XX, chiến lược *"giấu mình chờ thời"* được CHND Trung Hoa thực hiện rất triệt để. Trước hết, sự cân bằng trong quan hệ với Mỹ và Liên Xô được nước này coi là nguyên tắc, bởi tận dụng mối mâu thuẫn Xô - Mỹ trong thời điểm này để thực hiện cân bằng chiến lược, chấn hưng đất nước và nâng cao vị thế đất nước là thượng sách. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã tham gia tích cực vào nhiều cơ cấu quốc tế, với những mối quan hệ song phương và đa phương như với Mỹ, Nga, Cộng đồng châu Âu, Nhật Bản, ASEAN... Qua đó, Trung Quốc đã đẩy mạnh việc mở cửa, hòa nhập với thế giới, tạo dựng môi trường hòa bình, tập trung cho phát triển kinh tế. Kết quả là chính sách ngoại giao *"độc lập hòa bình"* đã đưa công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đến những thành công mới, đặt nền tảng cho việc thực hiện điều chỉnh chính

sách đối ngoại của CHND Trung Hoa trong những năm 1990.

2.2. Chính sách "ngoại giao nước lớn" từ 1992 đến nay

Bước vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, sự phát triển ngoạn mục của nền kinh tế đã không ngừng nâng cao địa vị của Trung Quốc trên trường quốc tế. Đúng thời điểm đó, sự sụp đổ của trật tự hai cực đã thay đổi hoàn toàn môi trường quốc tế, tạo "thiên thời, địa lợi" cho CHND Trung Hoa khẳng định những ưu thế cạnh tranh của mình như nguồn dự trữ lao động to lớn, sự năng động về kinh tế, lượng dự trữ quốc gia lớn mạnh... Thực tế này đã khiến Mỹ nghi ngại và thực hiện các biện pháp nhằm kiềm chế Trung Quốc như: dùng Quy chế tối huệ quốc để gây sức ép với Trung Quốc trong vấn đề kinh tế; dùng vấn đề nhân quyền, Tây Tạng, Tân Cương để gây sức ép về chính trị; tăng cường hợp tác an ninh - quân sự với các nước xung quanh Trung Quốc⁽²⁰⁾... Trong hoàn cảnh đó, với mục tiêu chiến lược cao nhất là giữ môi trường hòa bình cho phát triển kinh tế và tiềm lực quốc gia, Trung Quốc đã thực hiện điều chỉnh chính sách đối ngoại, chuyển từ chính sách ngoại giao *"độc lập hòa bình"* sang chính sách *"ngoại giao nước lớn"*⁽²¹⁾.

Chính sách *"ngoại giao nước lớn"* được Trung Quốc đề ra từ Đại hội XIV (1992), nhưng ở thời điểm này đường lối đối ngoại này chưa được cố định thành nghị quyết và cơ chế luật pháp⁽²²⁾. Đến Đại hội XV (1997), khi Trung Quốc đã công khai tuyên bố mình là một *"nước lớn có trách nhiệm trong xã hội quốc tế"*⁽²³⁾, thì chính sách ngoại giao nước lớn đã được biến thành phương châm chính sách chỉ đạo trong nghị quyết Đại hội về phân đối ngoại, để

giúp Trung Quốc xác lập chiến lược nước lớn có vai trò quốc tế. Từ 1997 đến nay, chiến lược ngoại giao nước lớn ngày càng được Trung Quốc tiến hành toàn diện và triệt để nhằm tạo môi trường hoà bình cho phát triển kinh tế, xây dựng một Trung Quốc hùng mạnh, có thể chi phối thế giới, thúc đẩy (thậm chí quyết định) xu thế đa cực hoá thế giới.

Chính sách ngoại giao nước lớn của Trung Quốc gồm hai nội dung cơ bản: *Thứ nhất là "Mở cửa toàn phương vị":* quan hệ với các nước nhưng *trọng điểm là quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng*, trong đó, các nước lớn chi phối thế giới và gìn giữ hoà bình *nên quan hệ với các nước lớn là biện pháp duy trì hoà bình tốt nhất*. Còn *quan hệ với các nước láng giềng sẽ giảm bớt căng thẳng trong khu vực*, đảm bảo môi trường hoà bình trực tiếp. Như vậy sẽ tạo được cả "đại hoà dịu" và "tiểu hoà dịu"⁽²⁴⁾. *Thứ hai* là tích cực tham gia vào hoạt động của các tổ chức khu vực và quốc tế. *"Tham gia các hoạt động đa phương, phát huy đầy đủ tác dụng của mình ở Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác"*, nhằm cùng các nước phát triển lợi ích chiến lược, cùng tạo ra luật chơi quốc tế, tạo vị thế cho Trung Quốc⁽²⁵⁾.

Cốt lõi của chính sách ngoại giao nước lớn của Trung Quốc là *lấy quan hệ với nước lớn chủ yếu làm chủ thể*⁽²⁶⁾, đồng thời kết hợp nhịp nhàng với việc phát triển quan hệ với *các nước láng giềng* và các nước phát triển nhằm: phục vụ cho sự phát triển của Trung Quốc (tranh thủ nước lớn để phát triển, nâng cao tiềm lực); phá bỏ chiến lược *"ngăn chặn mang tính phòng ngừa"* của các nước phương Tây với Trung Quốc; ngăn chặn các nước lớn ủng hộ chủ nghĩa li khai ở Trung Quốc, tạo

điều kiện có lợi cho việc hoà bình, thống nhất của Trung Quốc; Nâng cao địa vị và phạm vi ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế, thúc đẩy xu hướng đa cực hoá (mà Trung Quốc có thể là một cực). Ba mục tiêu lớn mà Trung Quốc phải đạt được trong chính sách ngoại giao nước lớn là ***sức mạnh, giàu có và địa vị quốc tế***.

Để thực hiện chính sách ngoại giao nước lớn, trước hết Trung Quốc chú trọng (số 1) quan hệ với Mỹ, đồng thời tăng cường quan hệ với Liên minh châu Âu (EU) để thúc đẩy đa cực hoá⁽²⁷⁾. Từ năm 1996 trở đi, Trung Quốc đã định hình được những cơ cấu song phương dưới hình thức "Đối tác chiến lược" với các nước lớn và các trung tâm quyền lực trên thế giới. Điển hình là năm 1997, Trung Quốc xây dựng mối quan hệ "Đối tác chiến lược có tính xây dựng hướng vào thế kỷ XXI" với Mỹ, năm 1998 Trung Quốc cùng EU xác lập quan hệ "Đối tác có tính chất lâu dài, ổn định, hướng tới thế kỷ XXI"⁽²⁸⁾. Năm 1994, Trung Quốc cùng Nga thiết lập "quan hệ đối tác xây dựng" và năm 1996 mối quan hệ này được nâng lên thành "*quan hệ đối tác chiến lược*"⁽²⁹⁾.

Bước sang thiên niên kỷ mới, sau hơn hai mươi năm cải cách mở cửa, tập trung cho nhiệm vụ nâng cao tiềm lực và vị thế đất nước, Trung Quốc đã vững vàng đi lên từ vị trí cường quốc khu vực lên cường quốc thế giới. Với vai trò là nước tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất thế giới, nước có nguồn dự trữ vàng và ngoại tệ lớn nhất thế giới, Trung Quốc đã lọt vào nhóm ba nước đứng đầu thế giới về khối lượng GDP⁽³⁰⁾. Từ tiềm lực đó, Trung Quốc đã vượt qua Nga về chi phí cho quốc phòng và trở thành nước đứng thứ hai thế giới về mặt này (sau Mỹ). Từ năm 2007, đóng góp

của CHND Trung Hoa vào sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới đã nhiều hơn so với đóng góp của Mỹ⁽³¹⁾.

Cùng với sự nâng cao vị thế quốc gia, Trung Quốc ngày càng hiện diện nổi bật hơn trong các lĩnh vực khác nhau của những quy chế quốc tế, khẳng định vị thế của một “*cường quốc có trách nhiệm*”⁽³²⁾. Chính sách ngoại giao của Trung Quốc cũng được các chuyên gia nước này xác định cụ thể vẫn là “*ngoại giao nước lớn*”, nhưng cần khẳng định rõ hơn nữa vị thế của một “*cường quốc có trách nhiệm*”⁽³³⁾, tích cực tham gia hơn nữa vào sự hình thành trật tự thế giới mới hợp lý, công bằng hơn; thực hiện trách nhiệm trong sự nghiệp giữ vững ổn định và an ninh quốc tế⁽³⁴⁾.

Nếu tiến hành một phép tính thống kê về các hoạt động ngoại giao của Trung Quốc trong 10 năm qua, ta sẽ thấy rõ vai trò của nước này trong các công việc quốc tế đã có những bước tiến tích cực. CHND Trung Hoa đã tích cực tham gia vào các công việc của Liên hợp quốc; vào những chiến dịch gìn giữ hòa bình của thế giới; tham gia các hội nghị quan trọng của những cường quốc; tiến hành thành công Thế vận hội Olympic Bắc Kinh; giữ vai trò tích cực trong khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới; nỗ lực trong đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố... Tất cả những hoạt động ngoại giao tích cực nói trên của Trung Quốc tạo cơ sở để nước này khẳng định vai trò của một “*cường quốc có trách nhiệm*” trên trường quốc tế.

Bên cạnh việc khẳng định vị thế nước lớn trên trường quốc tế, trong những năm qua, Trung Quốc luôn chú trọng đến việc xác lập uy tín của mình trong mối quan hệ với các nước khác. Trước hết, Trung Quốc

tiếp tục giữ mối quan hệ của mình với Mỹ và phương Tây, mặc dù trong các mối quan hệ này có những khúc mắc, song nó vẫn mặc nhiên là một trọng tâm trong chính sách ngoại giao của CHND Trung Hoa. Thứ hai, Trung Quốc dành sự chú trọng đặc biệt cho việc củng cố quan hệ với những nước láng giềng gần gũi - trong đó vị trí số một là Liên bang Nga. Theo các chuyên gia Trung Quốc, việc tích cực hợp tác giữa Trung Quốc và Nga ở Đông Bắc Á là thật sự cần thiết. Đồng thời, củng cố quan hệ với các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ để cùng giải quyết các vấn đề khu vực có một ý nghĩa quan trọng. Thứ ba, Trung Quốc coi mối quan hệ giữa họ với Liên minh châu Âu là quan hệ mang tính chiến lược, nhằm thông qua đó phát triển quan hệ kinh tế, tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến của các nước trong liên minh. Thứ tư, trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, một định hướng quan trọng trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc là phát triển quan hệ với các nước châu Phi và Mỹ Latinh. Về kinh tế, các nước này vừa là thị trường mới, đầy tiềm năng cho Trung Quốc, lại vừa là nguồn cung cấp năng lượng cho nước này. Hơn thế nữa, Trung Quốc muốn đưa các nước trong khu vực này đi theo tay lái của Bắc Kinh trong các vấn đề quốc tế⁽³⁵⁾.

Trên thực tế, trong suốt những năm qua, các nhà lãnh đạo Trung Quốc ưa thích việc công khai nói về những kế hoạch đưa CHND Trung Hoa tới vị thế số một trên trường quốc tế, với vai trò của một cường quốc có trách nhiệm. Chính phủ Trung Quốc đã nhấn mạnh rằng “*CHND Trung Hoa sẽ chuyển dịch đi tới nền ngoại giao tích cực hơn, nắm giữ về mình vai trò tiên phong trong việc hoạch định mô hình*

thế giới mới”⁽³⁶⁾. Tính quyết đoán của nền ngoại giao Trung Quốc hiện nay được thể hiện trong những việc nước này không chỉ giáng trả kịch liệt đối với những công kích nhằm vào họ trong vấn đề nhân quyền, mà còn chiếm giữ vị thế tấn công, minh chứng là những báo cáo thường niên được công bố tại Trung Quốc về “tình hình nhân quyền ở Mỹ”, trong đó có rất nhiều căn cứ để phủ nhận những cáo buộc của Mỹ về vi phạm nhân quyền đối với Trung Quốc. Trung Quốc luôn giữ vị trí tích cực trong những vấn đề đảm bảo an ninh quốc tế. Trung Quốc tỏ rõ thái độ kiên quyết đối với những thách thức và đe dọa mới, lên án chủ nghĩa khủng bố, quyết tâm chống khủng bố. Lập trường cứng rắn của Trung Quốc trong những vấn đề này được hiện hữu ngay trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến chủ quyền lãnh thổ của họ như Đài Loan, Tây Tạng cũng như những tuyên bố và hành động phô trương sức mạnh của nước này ở biển Đông.

Vai trò của Trung Quốc trong Liên hợp quốc cũng không ngừng được nâng cao. Trong việc giải quyết những điểm nóng của thế giới cũng như khu vực như vấn đề Afghanistan, Bắc Triều Tiên, Iran, Kosovo... Trung Quốc đã có sự đóng góp tích cực với vai trò chủ đạo. Bắc kinh không né tránh thảo luận ngay cả những vấn đề giải trừ và kiểm soát vũ khí, ủng hộ những nỗ lực nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân. Trung Quốc tuyên bố phản đối việc Mỹ triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa ở châu Âu cũng như ở châu Á - Thái Bình Dương...

Con đường hiện đại hóa của Trung Quốc trong 60 năm qua đã có không ít những khúc quanh co, thăng trầm. Trên cơ sở đó, chính sách ngoại giao của CHND

Trung Hoa trong suốt chặng đường ấy cũng đã từng trải qua nhiều bước biến hoán, song cho dù là “*nhất biên đảo*” của những năm 1950, “*giương cung bắn cả hai phía*” và “*liên Mỹ chống Xô*” của những năm 1960, 1970 hay “*độc lập hòa bình*” trong những năm 1980 thì cũng đều chỉ là các bước thử nghiệm được coi là chưa thành công của Trung Quốc. Từ những năm 1990 đến nay, khi sự phát triển mạnh mẽ đã mang lại cho CHND Trung Hoa vị thế của một trong những nước chủ đạo hàng đầu thế giới thì cũng là lúc thế giới đang trải qua những thay đổi sâu sắc: một trật tự thế giới mới dân chủ, bình đẳng đang thai nghén, trong đó không một quốc gia nào, ngay cả nước mạnh nhất như Mỹ, có thể một mình giải quyết những vấn đề nảy sinh trên thế giới, càng không thể ép buộc ý chí đơn độc của mình. Trong hoàn cảnh ấy, chính sách ngoại giao của Trung Quốc tiếp tục được trải qua bước điều chỉnh mới từ “*chính sách ngoại giao nước lớn*” đến “*chính sách ngoại giao nước lớn của một cường quốc có trách nhiệm*”. Vấn đề đáng được quan tâm là cùng với những bước điều chỉnh chính sách ngoại giao nói trên là sự thay đổi về vai trò của nó. Nếu như trong những năm 1990, chính sách “*ngoại giao nước lớn*” chỉ thực hiện chức năng đại diện và điều hòa lợi ích quốc gia, thì bước sang thiên niên kỷ mới, thông qua “*chính sách ngoại giao nước lớn của một cường quốc có trách nhiệm*”, CHND Trung Hoa đã tham dự ngày càng mạnh mẽ vào những hoạt động khác nhau của quy chế quốc tế, từ đó hiện thực hóa những chức năng mới như phản chiếu sức mạnh bên trong của mình, đồng thời tham gia vào việc thiết lập các “luật chơi” quốc tế trên sân khấu chính trị thế giới. Rõ ràng, chiến

lược "ngoại giao nước lớn" và "chính sách ngoại giao nước lớn của một cường quốc có trách nhiệm" đã không chỉ tạo động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc, giúp nước này ngày càng khẳng định được vị thế của một cường quốc thế giới trong vòng quay mới của lịch sử, mà còn đã, đang và sẽ có những tác động không nhỏ đến cục diện quan hệ quốc tế nói chung, tới Đông Nam Á và Việt Nam nói riêng.

CHÚ THÍCH:

(1) 主编: 谢益显, 《中国当代外交史 (1949-2009)》, 中国青年出版社 2009年8月, tr. 12 (Xie Yi, *Lịch sử ngoại giao hiện đại của nước CHND Trung Hoa (1949-2009)*, NXB Thanh Niên Trung Quốc, năm 2009)

(2) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c107 (60 năm nước CHND Trung Hoa: Những thành quả và xu hướng, Bài Hội thảo của Tạp chí Những vấn đề Viễn Đông, đăng trên Tạp chí Những vấn đề Viễn Đông số 5/2009).

(3) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c107.

(4) 主编: 谢益显, 《中国当代外交史 (1949-2009)》, 中国青年出版社 2009年8月, Tr 36

(5) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c113.

(6) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c113

(7) Những tư liệu Đại hội VIII Đảng cộng sản Trung Quốc, Trích theo 主编: 谢益显, 《中国当代外交史 (1949-2009)》, 中国青年出版社 2009年8月, tr. 85

(8), (9), (10) 主编: 谢益显, 《中国当代外交史 (1949-2009)》, 中国青年出版社 2009年8月, tr. 88, tr. 234

(11) Nguyễn Huy Quý (1999), *Nước CHND Trung Hoa chặng đường lịch sử nửa thế kỷ (1949 - 1999)*, NXB Chính trị quốc gia- Tr 64.

(12), (13) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c109.

(14), (15), (16), (17) 主编: 谢益显, 《中国当代外交史 (1949-2009)》, 中国青年出版社 2009年8月, tr. 191, 283, 288, 419.

(18) Jeanne L. Wilson (2005), *Strategic Partners: Russian-Chinese Relations in the Post-Soviet Era*, China review International, Tr18.

(19) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c96.

(20) Viện nghiên cứu Trung Quốc (2004), *Trung Quốc 25 năm cải cách mở cửa: Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (Kỷ yếu Hội thảo), NXB Khoa học xã hội - Tr 593.

(21), (22) Denny Roy (1998), *China's Foreign Relations*, Rowman and Littlefield, Langham (Maryland), tr. 13

(23) 高飞: 我国外交学研究的现状和主要问题, 《国际论坛》, 2007年第1期 - Tr 117

(24), (25) Department of policy planning, Ministry of Foreign Affairs People's Republic of China (2006), *China's Foreign Affairs*, Beijing: World Affairs Press, tr. 97.

(26) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c112.

(27) 高飞: 我国外交学研究的现状和主要问题, 《国际论坛》, 2007年第1期 - Tr 112. (高飞, *Nghiên cứu về trạng thái ngoại giao của Trung Quốc và những vấn đề lớn*, Tạp chí Diễn đàn quốc tế Trung Quốc, số 1/2007)

(28) 李静杰, 新世纪的中俄关系, *西伯利亚研究*, 2006年第04期-Tr 76 (Li Jingjie, *Quan hệ Nga - Trung trong thế kỷ mới*, Tạp chí nghiên cứu Siberia, số 4/2006)

(29), (30) 60 лет Китайской Народной Республики....Sdd, Tr113.

(31), (32), (33) 主编: 谢益显, 《中国当代外交史 (1949-2009)》, 中国青年出版社 2009年8月, Tr482.

(34) 60 лет Китайской Народной Республики: итоги и перспективы, *Проблемы Дальнего Востока*, (5), 2009, c118.

(35) 主编: 谢益显, 《中国当代外交史 (1949-2009)》, 中国青年出版社 2009年8月, Tr 549